

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 1 – Năm học: 2023 – 2024

Môn học/Nhóm: Bóng chuyền 2 – HP (23400305)
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	BP. 4	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2122140018	Đặng Hữu	Bằng	13/03/2003	Công nghệ KT cơ điện tử A	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
2	2122040028	Trần Văn	Bằng	19/12/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	10.0	7.0	8.0	8.0	8.3	
3	2122200146	Phùng Gia	Bảo	23/04/2003	Quản trị xuất nhập khẩu E	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
4	2122180073	Trần Quốc	Bảo	14/02/2004	Công nghệ chế tạo máy B	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	
5	2122270061	Tăng Thị Kim	Châu	10/07/2002	Quản trị nhà hàng B	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
6	2122040047	Lê Thế	Công	09/04/2001	Công nghệ chế tạo máy B	5.0	6.0	9.0	9.0	7.3	
7	2122120138	Trịnh Công	Cường	29/04/2001	Quản trị KD tổng hợp D	5.0	8.0	6.0	6.0	6.3	
8	2122030187	Nguyễn Thành	Dân	16/09/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí F	5.0	8.0	6.0	6.0	6.3	
9	2122140026	Mai Tấn	Đạt	30/01/2004	Công nghệ KT cơ điện tử A	8.0	9.0	5.0	5.0	6.8	
10	2121120284	Nguyễn Thị Thanh	Diệp	28/07/2003	Quản trị KD tổng hợp I	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
11	2122120188	Võ Minh	Diệp	14/02/2004	Quản trị KD tổng hợp F	10.0	8.0	6.0	6.0	7.5	
12	2120040027	Võ Văn	Độ	05/06/2002	Công nghệ chế tạo máy	5.0	5.0	8.0	8.0	6.5	
13	2122210164	Nguyễn Ngọc	Đức	25/02/2004	Công nghệ thực phẩm C	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	
14	2122200068	Bùi Đức	Dũng	02/01/2004	Quản trị xuất nhập khẩu B	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
15	2122030064	Võ Trần	Duy	04/09/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí B	10.0	7.0	8.0	8.0	8.3	
16	2122030070	Võ Trần Khánh	Duy	22/05/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí B	10.0	7.0	8.0	8.0	8.3	
17	2122030114	Đinh Mạnh	Hải	07/06/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	5.0	5.0	6.0	6.0	5.5	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	BP. 4	Điểm quá trình	Ghi chú
18	2122120245	Đinh Thị	Hải	06/10/2003	Quản trị KD tổng hợp H	10.0	8.0	6.0	6.0	7.5	
19	2122100281	Đặng Thị Thanh	Hằng	09/02/2004	Kế toán I	10.0	9.0	9.0	9.0	9.3	
20	2122030149	Huỳnh Trung	Hiếu	01/01/2000	Công nghệ kỹ thuật cơ khí E	10.0	9.0	9.0	9.0	9.3	
21	2122210081	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	16/11/2004	Công nghệ thực phẩm C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
22	2122030066	Nguyễn Công	Hoàng	05/10/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí B	10.0	7.0	8.0	8.0	8.3	
23	2120190006	Nguyễn Thị Thanh	Hồng	28/11/2002	Tài chính - Ngân hàng A	5.0	5.0	7.0	7.0	6.0	
24	2118170565	Triệu Văn	Hùng	28/12/1997	Công nghệ kỹ thuật ô tô H	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
25	2121030060	Nguyễn Hữu	Hưng	04/12/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí B	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
26	2122120548	Nguyễn Khánh	Huyền	25/01/2004	Quản trị KD tổng hợp O	8.0	5.0	8.0	8.0	7.3	
27	2122110058	Nguyễn Thị Bích	Huyền	21/02/2004	Công nghệ thông tin B	10.0	8.0	8.0	8.0	8.5	
28	2122030198	Huỳnh Đỗ Duy	Khang	04/07/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí F	10.0	9.0	7.0	7.0	8.3	
29	2122120401	Cao Bá Tuấn	Kiệt	16/02/2004	Quản trị nhà hàng D	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
30	2122120532	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	22/10/2004	Quản trị KD tổng hợp O	8.0	5.0	8.0	8.0	7.3	
31	2122270047	Lê Thị Hồng	Loan	22/10/2004	Công nghệ thực phẩm C	5.0	7.0	8.0	8.0	7.0	
32	2122030177	Trần Phước	Lộc	26/03/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí F	8.0	9.0	9.0	9.0	8.8	
33	2122120549	Lưu Gia	Lợi	26/11/2004	Quản trị KD tổng hợp O	8.0	5.0	8.0	8.0	7.3	
34	2121030059	Trần Văn	Luận	03/01/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí B	10.0	9.0	7.0	7.0	8.3	
35	2122270113	Trần Xuân	Mai	01/01/2004	Quản trị nhà hàng D	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
36	2122210092	Nguyễn Quốc	Mạnh	06/01/2004	Công nghệ thực phẩm C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
37	2122030058	Lê	Minh	18/06/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí B	5.0	7.0	7.0	7.0	6.5	
38	2122200144	Nguyễn Thị Thùy	My	12/07/2004	Quản trị xuất nhập khẩu E	8.0	9.0	9.0	9.0	8.8	
39	2122120197	Đỗ Nguyễn Thanh	Ngân	28/11/2004	Quản trị KD tổng hợp F	5.0	7.0	7.0	7.0	6.5	
40	2122120530	Nguyễn Trần Như	Nghĩa	25/10/2004	Quản trị KD tổng hợp O	8.0	5.0	8.0	8.0	7.3	
41	2122210137	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	18/09/2002	Công nghệ thực phẩm D	8.0	9.0	7.0	7.0	7.8	
42	2122100408	Phan Thị Nữ	Nhi	02/12/2002	Kế toán K	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
43	2122100302	Dương Tuyết	Như	10/09/2004	Kế toán I	10.0	9.0	9.0	9.0	9.3	
44	2122260032	Trương Yến	Nhung	24/03/2004	Quản trị khách sạn A	5.0	5.0	7.0	7.0	6.0	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	BP. 4	Điểm quá trình	Ghi chú
45	2122200152	Huỳnh Khắc	Phú	11/03/2004	Quản trị xuất nhập khẩu E	8.0	8.0	6.0	6.0	7.0	
46	2122110044	Phạm Minh	Phúc	26/09/2004	Công nghệ thông tin B	10.0	8.0	6.0	6.0	7.5	
47	2122030127	Bùi Thanh	Quốc	20/11/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	5.0	5.0	7.0	7.0	6.0	
48	2122030074	Trần Minh	Quốc	15/09/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
49	2122030216	Nguyễn Hoàng	Quy	02/12/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí H	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
50	2122210138	Nguyễn Ngọc Tâm	Quyên	08/02/2002	Công nghệ thực phẩm F	8.0	9.0	7.0	7.0	7.8	
51	2122100303	Trần Nguyễn Kim	Quyên	17/07/2004	Kế toán I	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
52	2122260148	Từ Thị Mỹ	Quyên	29/10/2004	Quản trị khách sạn C	5.0	6.0	9.0	9.0	7.3	
53	2122170078	Bùi Trường	Sinh	06/10/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí H	5.0	9.0	7.0	7.0	7.0	
54	2122120414	Hoàng Văn	Tâm	19/08/2004	Quản trị KD tổng hợp M	5.0	7.0	7.0	7.0	6.5	
55	2121260079	Trần Lý Minh	Thắng	03/11/2003	Quản trị khách sạn C	5.0	6.0	9.0	9.0	7.3	
56	2122210129	Nguyễn Văn Phuong	Thảo	29/03/2004	Công nghệ thực phẩm E	10.0	7.0	8.0	8.0	8.3	
57	2122100285	Nguyễn Minh	Thi	13/07/2004	Kế toán I	10.0	9.0	9.0	9.0	9.3	
58	2122030143	Nguyễn Chí	Thông	19/04/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí H	10.0	9.0	7.0	7.0	8.3	
59	2122120225	Nguyễn Thị Minh	Thư	28/06/2004	Quản trị KD tổng hợp G	8.0	6.0	9.0	9.0	8.0	
60	2122110052	Lê Đan	Thuần	27/09/2004	Công nghệ thông tin B	10.0	9.0	9.0	9.0	9.3	
61	2121030053	Ngô Đức	Thuận	13/12/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí B	10.0	9.0	7.0	7.0	8.3	
62	2122260013	Nguyễn Phạm Như	Thủy	02/06/2004	Quản trị KD tổng hợp M	10.0	9.0	7.0	7.0	8.3	
63	2122120489	Nguyễn Thị Thuỳ	Trâm	29/09/2004	Quản trị KD tổng hợp E	10.0	8.0	6.0	6.0	7.5	
64	2122100291	Phạm Thị Thanh	Trúc	15/06/2003	Kế toán I	5.0	7.0	8.0	9.0	7.3	
65	2122030037	Nguyễn Ngọc	Trung	11/07/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	5.0	7.0	7.0	7.0	6.5	
66	2122170119	Nguyễn Châu	Tuấn	14/05/2004	Quản trị khách sạn D	5.0	6.0	9.0	9.0	7.3	
67	2122030209	Hoàng Kim	Tuyên	14/05/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí H	10.0	8.0	8.0	8.0	8.5	
68	2122180033	Nguyễn Thành	Vạn	19/02/2004	Công nghệ KT nhiệt A	10.0	8.0	8.0	8.0	8.5	
69	2122120492	Nguyễn Tường	Vi	22/02/2004	Quản trị KD tổng hợp F	5.0	7.0	7.0	7.0	6.5	
70	2121030052	Nguyễn Thế	Vinh	30/04/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí B	5.0	6.0	9.0	9.0	7.3	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	BP. 4	Điểm quá trình	Ghi chú
71	2121030058	Phạm Phước	Vinh	27/10/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí B	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
72	2122140005	Mai Xuân	Vũ	02/11/2004	Công nghệ KT cơ điện tử A	5.0	7.0	7.0	7.0	6.5	
73	2122030044	Trần Quốc	Vương	07/11/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	10.0	7.0	8.0	8.0	8.3	
74	2122100286	Trương Thị Lệ	Vy	27/09/2003	Kế toán I	10.0	9.0	9.0	9.0	9.3	
75	2120190118	Phạm Thị Hải	Yến	24/02/2001	Tài chính - Ngân hàng C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

TPHCM , ngày 15 tháng 01 năm 2024
Giảng viên

Nguyễn Thanh Bình

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN

Học kỳ: 1 – Năm học: 2023 – 2024

Môn học/Nhóm: Bóng chuyên 2 – HP (23400305)

Số tín chỉ: 02

CBGD: Nguyễn Thanh Bình

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2122140018	Đặng Hữu	Bằng	13/03/2003	Công nghệ KT cơ điện tử A	0.0	0.0	0,00	
2	2122040028	Trần Văn	Bằng	19/12/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	8.3	5.0	6,30	
3	2122200146	Phùng Gia	Bảo	23/04/2003	Quản trị xuất nhập khẩu E	0.0	0.0	0,00	
4	2122180073	Trần Quốc	Bảo	14/02/2004	Công nghệ chế tạo máy B	8.0	5.0	6,20	
5	2122270061	Tăng Thị Kim	Châu	10/07/2002	Quản trị nhà hàng B	0.0	0.0	0,00	
6	2122040047	Lê Thế	Công	09/04/2001	Công nghệ chế tạo máy B	7.3	5.0	5,90	
7	2122120138	Trịnh Công	Cường	29/04/2001	Quản trị KD tổng hợp D	6.3	5.0	5,50	
8	2122030187	Nguyễn Thành	Dân	16/09/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí F	6.3	5.0	5,50	
9	2122140026	Mai Tấn	Đạt	30/01/2004	Công nghệ KT cơ điện tử A	6.8	10.0	8,70	
10	2121120284	Nguyễn Thị Thanh	Diệp	28/07/2003	Quản trị KD tổng hợp I	0.0	9.0	5,40	
11	2122120188	Võ Minh	Diệp	14/02/2004	Quản trị KD tổng hợp F	7.5	5.0	6,00	
12	2120040027	Võ Văn	Độ	05/06/2002	Công nghệ chế tạo máy	6.5	10.0	8,60	
13	2122210164	Nguyễn Ngọc	Đức	25/02/2004	Công nghệ thực phẩm C	8.0	9.0	8,60	
14	2122200068	Bùi Đức	Dũng	02/01/2004	Quản trị xuất nhập khẩu B	0.0	0.0	0,00	
15	2122030064	Võ Trần	Duy	04/09/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí B	8.3	5.0	6,30	
16	2122030070	Võ Trần Khánh	Duy	22/05/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí B	8.3	5.0	6,30	
17	2122030114	Đinh Mạnh	Hải	07/06/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	5.5	8.0	7,00	
18	2122120245	Đinh Thị	Hải	06/10/2003	Quản trị KD tổng hợp H	7.5	5.0	6,00	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
19	2122100281	Đặng Thị Thanh	Hằng	09/02/2004	Kế toán I	9.3	5.0	6,70	
20	2122030149	Huỳnh Trung	Hiếu	01/01/2000	Công nghệ kỹ thuật cơ khí E	9.3	10.0	9,70	
21	2122210081	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	16/11/2004	Công nghệ thực phẩm C	0.0	0.0	0,00	
22	2122030066	Nguyễn Công	Hoàng	05/10/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí B	8.3	5.0	6,30	
23	2120190006	Nguyễn Thị Thanh	Hồng	28/11/2002	Tài chính - Ngân hàng A	6.0	5.0	5,40	
24	2118170565	Triệu Văn	Hùng	28/12/1997	Công nghệ kỹ thuật ô tô H	0.0	0.0	0,00	
25	2121030060	Nguyễn Hữu	Hưng	04/12/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí B	0.0	0.0	0,00	
26	2122120548	Nguyễn Khánh	Huyền	25/01/2004	Quản trị KD tổng hợp O	7.3	7.0	7,10	
27	2122110058	Nguyễn Thị Bích	Huyền	21/02/2004	Công nghệ thông tin B	8.5	5.0	6,40	
28	2122030198	Huỳnh Đỗ Duy	Khang	04/07/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí F	8.3	5.0	6,30	
29	2122120401	Cao Bá Tuấn	Kiệt	16/02/2004	Quản trị nhà hàng D	0.0	0.0	0,00	
30	2122120532	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	22/10/2004	Quản trị KD tổng hợp O	7.3	5.0	5,90	
31	2122270047	Lê Thị Hồng	Loan	22/10/2004	Công nghệ thực phẩm C	7.0	5.0	5,80	
32	2122030177	Trần Phước	Lộc	26/03/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí F	8.8	10.0	9,50	
33	2122120549	Lưu Gia	Lợi	26/11/2004	Quản trị KD tổng hợp O	7.3	8.0	7,70	
34	2121030059	Trần Văn	Luận	03/01/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí B	8.3	10.0	9,30	
35	2122270113	Trần Xuân	Mai	01/01/2004	Quản trị nhà hàng D	0.0	0.0	0,00	
36	2122210092	Nguyễn Quốc	Mạnh	06/01/2004	Công nghệ thực phẩm C	0.0	0.0	0,00	
37	2122030058	Lê	Minh	18/06/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí B	6.5	10.0	8,60	
38	2122200144	Nguyễn Thị Thùy	My	12/07/2004	Quản trị xuất nhập khẩu E	8.8	7.0	7,70	
39	2122120197	Đỗ Nguyễn Thanh	Ngân	28/11/2004	Quản trị KD tổng hợp F	6.5	5.0	5,60	
40	2122120530	Nguyễn Trần Như	Nghĩa	25/10/2004	Quản trị KD tổng hợp O	7.3	7.0	7,10	
41	2122210137	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	18/09/2002	Công nghệ thực phẩm D	7.8	5.0	6,10	
42	2122100408	Phan Thị Nữ	Nhi	02/12/2002	Kế toán K	0.0	0.0	0,00	
43	2122100302	Dương Tuyết	Như	10/09/2004	Kế toán I	9.3	6.0	7,30	
44	2122260032	Trương Yến	Nhung	24/03/2004	Quản trị khách sạn A	6.0	5.0	5,40	
45	2122200152	Huỳnh Khắc	Phú	11/03/2004	Quản trị xuất nhập khẩu E	7.0	5.0	5,80	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
46	2122110044	Phạm Minh	Phúc	26/09/2004	Công nghệ thông tin B	7.5	5.0	6,00	
47	2122030127	Bùi Thanh	Quốc	20/11/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí D	6.0	5.0	5,40	
48	2122030074	Trần Minh	Quốc	15/09/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí C	0.0	0.0	0,00	
49	2122030216	Nguyễn Hoàng	Quy	02/12/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí H	0.0	0.0	0,00	
50	2122210138	Nguyễn Ngọc Tâm	Quyên	08/02/2002	Công nghệ thực phẩm F	7.8	5.0	6,10	
51	2122100303	Trần Nguyễn Kim	Quyên	17/07/2004	Kế toán I	0.0	0.0	0,00	
52	2122260148	Từ Thị Mỹ	Quyên	29/10/2004	Quản trị khách sạn C	7.3	5.0	5,90	
53	2122170078	Bùi Trường	Sinh	06/10/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí H	7.0	5.0	5,80	
54	2122120414	Hoàng Văn	Tâm	19/08/2004	Quản trị KD tổng hợp M	6.5	5.0	5,60	
55	2121260079	Trần Lý Minh	Thắng	03/11/2003	Quản trị khách sạn C	7.3	5.0	5,90	
56	2122210129	Nguyễn Vân Phương	Thảo	29/03/2004	Công nghệ thực phẩm E	8.3	9.0	8,70	
57	2122100285	Nguyễn Minh	Thi	13/07/2004	Kế toán I	9.3	8.0	8,50	
58	2122030143	Nguyễn Chí	Thông	19/04/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí H	8.3	5.0	6,30	
59	2122120225	Nguyễn Thị Minh	Thư	28/06/2004	Quản trị KD tổng hợp G	8.0	5.0	6,20	
60	2122110052	Lê Đan	Thuần	27/09/2004	Công nghệ thông tin B	9.3	8.0	8,50	
61	2121030053	Ngô Đức	Thuận	13/12/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí B	8.3	10.0	9,30	
62	2122260013	Nguyễn Phạm Như	Thủy	02/06/2004	Quản trị KD tổng hợp M	8.3	7.0	7,50	
63	2122120489	Nguyễn Thị Thuý	Trâm	29/09/2004	Quản trị KD tổng hợp E	7.5	7.0	7,20	
64	2122100291	Phạm Thị Thanh	Trúc	15/06/2003	Kế toán I	7.3	5.0	5,90	
65	2122030037	Nguyễn Ngọc	Trung	11/07/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	6.5	5.0	5,60	
66	2122170119	Nguyễn Châu	Tuấn	14/05/2004	Quản trị khách sạn D	7.3	9.0	8,30	
67	2122030209	Hoàng Kim	Tuyên	14/05/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí H	8.5	7.0	7,60	
68	2122180033	Nguyễn Thành	Vạn	19/02/2004	Công nghệ KT nhiệt A	8.5	5.0	6,40	
69	2122120492	Nguyễn Tường	Vi	22/02/2004	Quản trị KD tổng hợp F	6.5	5.0	5,60	
70	2121030052	Nguyễn Thế	Vinh	30/04/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí B	7.3	5.0	5,90	
71	2121030058	Phạm Phước	Vinh	27/10/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí B	0.0	0.0	0,00	
72	2122140005	Mai Xuân	Vũ	02/11/2004	Công nghệ KT cơ điện tử A	6.5	5.0	5,60	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
73	2122030044	Trần Quốc	Vương	07/11/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	8.3	5.0	6,30	
74	2122100286	Trương Thị Lệ	Vy	27/09/2003	Kế toán I	9.3	5.0	6,70	
75	2120190118	Phạm Thị Hải	Yến	24/02/2001	Tài chính - Ngân hàng C	0.0	0.0	0,00	

TPHCM , ngày 15 tháng 01 năm 2024
Giảng viên

Nguyễn Thanh Bình